

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **36/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 09/6/2023
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Ngọc Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Trung

Bà Cao Thị Kim Phương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/TLST-HNGĐ ngày 10/02/2023 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số 161/5, ấp N, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (*Vắng mặt*)

- **Bị đơn:** Anh **Lê Thanh T1**, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Số 86, tổ 11 khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 10/02/2023, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh T1 có quen biết từ năm 06 tháng thì tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/03/2022. Đây là hôn nhân lần đầu của tôi.

Sau khi kết hôn vợ chồng chưa chung sống với nhau, cũng chưa tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, hai gia đình chỉ mới làm đám hỏi. Sau khi

đăng ký kết hôn xong chung tôi mặc dù không chung sống cùng nhau nhưng phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã về vấn đề tiền bạc lẫn gia đình, anh T1 thường xuyên chửi rửa tôi và nhiều lần đòi bỏ tôi, anh T1 là người chủ động đề nghị chấm dứt mối quan hệ nhưng sau khi tôi nộp đơn thì anh T1 hứa hẹn sẽ thay đổi nhưng anh vẫn chứng nào tật nấy không sửa đổi. Do thời gian tìm hiểu ngắn nên giữa chúng tôi có những mâu thuẫn không thể khắc phục được, không có tiếng nói chung, không hòa hợp. Vào tháng 12/2022 do mâu thuẫn trầm trọng nên tôi nộp đơn ly hôn đến Tòa án nhưng sau đó anh T1 đã xin cam kết tại Tòa án sẽ thay đổi, tuy nhiên ngay sau khi viết xong cam kết đó anh T1 đã xuống nhà tôi quậy phá, chửi bới không hề thay đổi. Nhiều lần anh T1 dọa nạt và đe dọa cuộc sống của tôi, nhiều lần anh T1 xuống nhà tôi quậy phá, chửi bới xúc phạm gia đình tôi. Từ thời điểm tôi nộp đơn và rút đơn đến nay anh T1 đến quậy nhà tôi xong và không còn qua lại nhà tôi, cũng không liên lạc, từ đó đến nay chúng tôi mạnh ai nấy sống, không quan tâm cuộc sống của nhau.

Đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng và không thể hàn gắn được nữa, mâu thuẫn của chúng tôi đã được hai bên gia đình hòa giải. Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lê Thanh T1 để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng chung sống không có con chung.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Theo các bản tự khai, biên bản lấy lời khai của bị đơn anh Lê Thanh T1 trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị T có quen biết tìm hiểu 06 tháng thì tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/03/2022. Đây là hôn nhân lần đầu của tôi.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại nhà vợ được 01 thời gian thì đi đi về về lại giữa hai nhà, vợ chồng đi thực hiện thủ tục pháp lý theo quy định nhưng chưa tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, hai gia đình chỉ mới làm đám hỏi. Sau khi đăng ký kết hôn xong khoảng 02 tháng tôi phải đi làm nước ngoài tại Nam Phi làm nửa năm rồi tôi về lại Việt Nam, chính vì xa cách nên tình cảm vợ chồng có phần phai nhạt nên thỉnh thoảng có cãi vã, vợ chồng không hiểu nhau, không có điều kiện gần gũi nhau, ít tiếp xúc nên dần xa cách, chị T tôi chửi mắng chị T tôi không đồng ý do đó chỉ là hai vợ chồng cự cãi qua lại, tôi không chửi mắng cũng như đánh đập gì chị T. Vào tháng 10/2022 tôi về Việt Nam sau đó tôi lại đi làm xa tại Hà Nội nên vợ chồng tiếp tục xa cách, khoảng hai tháng sau thì tôi về sinh sống tại Dầu Giây cùng gia

đình nên thỉnh thoảng vợ chồng vẫn gặp mặt nhau qua lại, mẹ vợ vẫn mong muốn hai vợ chồng hòa giải đoàn tụ, tình cảm vợ chồng vẫn còn, đến hiện nay hai vợ chồng vẫn thỉnh thoảng gặp mặt qua lại với nhau, tuy nhiên chị T vẫn kiên quyết ly hôn, không hợp tác để hòa giải. Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn không còn khả năng hàn gắn, mâu thuẫn trầm trọng nên tôi đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Vợ chồng chung sống không có con chung.

Về tài sản chung: Anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, cả nguyên đơn, bị đơn đều không đến tham dự phiên tòa, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Lê Thanh T1.

+ Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Buộc chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, anh Lê Thanh T1 cư trú tại Số 86, tổ 11 khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất. Nguyên đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật

Tổ tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn”.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Thanh T1 tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/03/2022. Hôn nhân của chị T và anh T1 được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 8, Điều 9 Luật HNGĐ năm 2014.

Xét tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 nhận thấy: Sau khi kết hôn, hai vợ chồng không sống chung cùng nhau. Nguyên nhân là do anh T1 thường đi làm xa nên không có thời gian gần gũi nhau, quan tâm, chia sẻ cùng nhau dẫn đến hai vợ chồng dần xa cách, không còn tình cảm với nhau nữa. Chị T và anh T1 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, vợ chồng đã không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm và chia sẻ với nhau công việc trong gia đình là có căn cứ phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Chị T và anh T1 đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài nhưng không có hướng khắc phục, tình cảm vợ chồng không có điều kiện để hàn gắn nên cả hai vợ chồng đều đồng ý ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Thanh T1 chung sống không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Thanh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 8, điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Lê Thanh T1.

2. *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Thanh T1 không có con chung nên Tòa án không xem xét.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009208 ngày 10/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất. Chị T đã nộp đủ án phí.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H.TN;
- Chi cục THADS H.TN;
- UBND TT D (28/2022);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Ngọc Thành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Cao Thị Kim Phương

Trần Văn Trung

Phan Ngọc Thành